

Bản án số: 24/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14/8/2020

V/v: Tranh chấp về HNGĐ giữa anh
Thường và chị Chinh.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN DU**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thiên Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Sơn

Ông Nguyễn Bình Thái.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Lua, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Du.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Phong tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 85/2020/TLST- HNGĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 25 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1976. Có mặt.

Bị đơn: Chị Đào Thị Ch, sinh năm 1977. Có mặt.

Cùng đăng ký HKTT tại: Thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu khác, nguyên đơn là anh Nguyễn Hữu Th trình bày:

Anh kết hôn với chị Đào Thị Ch ngày 08/3/2002 trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện T, tỉnh B. Sau ngày cưới chị Ch về chung sống với anh ngay. Vợ chồng anh sống chung với gia đình anh tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B.

Quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng anh vẫn bình thường, hạnh phúc. Từ tháng 7/2019, vợ chồng anh bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ch có đi làm tạp vụ nấu ăn cho Công ty ga tại Khu công Nghiệp Tiên Sơn có quan hệ bất chính với người đàn ông khác tên H. Bản thân anh có bắt gặp chị Ch tại phòng anh H. Giữa anh H và chị Ch thường xuyên nhắn tin qua lại với nhau.

Vì mối quan hệ giữa chị Ch và anh H đã khiến vợ, con anh Hiếu đã về gia đình nhà anh nói chuyện về việc anh H có quan hệ bất chính với chị Ch nên mọi người ai cũng biết. Anh và gia đình có nói chuyện nhắc nhở chị Ch chấm dứt mối quan hệ với anh H nhưng chị Ch không thay đổi vẫn chứng nào tật nấy. Từ 08/7/2019 đến 01/11/2019 chị Ch đã bỏ về nhà anh chị của chị Ch ở. Sau đó, gia đình chị Ch có đến xin lỗi gia đình nhà anh để cho chị Ch về. Vì con cái nên anh vẫn chấp nhận tha thứ cho chị Ch mong muốn chị Ch vì gia đình thay đổi. Tuy nhiên, sau khi về đoàn tụ nhưng chị Ch nhắn tin, gọi điện Zalo cho anh H. Quá chán nản nên anh để chị Ch muốn làm gì thì làm, anh không can thiệp nữa. Từ tháng 7/2019, chị Ch đã bỏ nhà đi. Vợ chồng anh không còn quan tâm đến nhau nữa, việc của ai người đó làm, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay anh xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với chị Ch được vì không còn tình cảm, anh đề nghị được ly hôn với chị Ch.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh V, sinh ngày 02/5/2003; Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 13/9/2006. Tại phiên tòa, anh Th đề nghị được nuôi cháu Nguyễn Hữu Tr, chị Ch nuôi cháu Nguyễn Thị Ánh V. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện tại anh đang làm xây dựng tại địa phương, mức thu nhập khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng do vậy có đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng.

Phía bị đơn là chị Đào Thị Chinh trình bày: Chị xác nhận một phần lời khai của anh Thuởng về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn.

Theo chị Ch, quá trình chung sống vợ chồng sống hòa thuận đến tháng 7/2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị làm tạp vụ nấu cơm cho công ty SHPtronics tại Khu công Nghiệp Tiên Sơn có quen biết với anh H là lái xe của công ty, đó chỉ là mối quan hệ anh em trong công ty nhưng anh Th lại luôn ghen tuông vô cớ, nghĩ chị và anh H có quan hệ tình cảm bất chính với nhau. Từ đó, anh Th thường xuyên đánh, chửi chị, đuổi chị và xúc phạm gia đình nhà chị khiến. Do lo sợ anh Th đánh đập nên chị phải về nhà người thân ở từ ngày 09/7/2019 đến ngày 02/11/2019 (âm lịch. Sau đó vì nghĩ thương các con nên chị quay về tiếp tục chung sống với anh Th. Từ khi vợ chồng về đoàn tụ với nhau, tuy chị và anh Th sống chung một nhà nhưng vợ chồng đã không còn tình cảm, không còn quan tâm đến nhau nữa, việc của ai người đó làm, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Chị nấu cơm thì anh Th cũng không ăn cùng mẹ con chị. Không những thế anh Th vẫn thường xuyên theo dõi, quản lý chị, thậm chí đập xe máy của chị không cho chị đi làm. Chị xác định vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nhưng chị vì các con, muốn các con yên

tâm học hành nên chị không đồng ý ly hôn. Còn anh Th muốn lấy ai, muốn chung sống với ai thì tùy chị không quan tâm.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh V, sinh ngày 02/5/2003; Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 13/9/2006. Nếu ly hôn chị xin nuôi cháu Nguyễn Thị Ánh V, còn để anh Th nuôi cháu Nguyễn Hữu T. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Hiện tại chị đang làm tạp vụ nấu ăn tại Công ty SHPtronics tại Khu công Nghiệp Tiên Sơn, mức thu nhập khoảng 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng /tháng. Chị đủ khả năng kinh tế để nuôi con.

Về tài sản chung: Có 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 1 sàn khoảng 80m², tổng diện tích là 160m² xây trên đất của bố mẹ anh Th cho anh Th tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B; 05 phòng trọ ở khu đất B, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B; tài sản trong gia đình: 01 tivi; 01 máy giặt; 01 bộ bàn ghế; 01 sập gỗ; 02 điều hòa; 01 xe máy Wave. Tại phiên tòa, đến giai đoạn tranh luận chị Ch tự nguyện không yêu cầu Tòa án xem xét việc chia tài sản chung của vợ chồng, chị sẽ đề nghị Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án chia đôi số tài sản chung của vợ chồng. Chị không yêu cầu chia đất.

Tại phiên tòa hôm nay, anh Th vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Về con chung anh đồng ý nuôi cháu Tr, còn chị Ch nuôi cháu V, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công nợ, anh Th không yêu cầu giải quyết; Chị Ch không đồng ý ly hôn. Nếu phải ly hôn chị Ch xin nuôi cháu V, còn để anh Th nuôi cháu Tr. Về tài sản chung, chị Ch yêu cầu chia đôi. Về công nợ: không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Du phát biểu ý kiến của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82; 83 - Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án: Xét thấy mâu thuẫn giữa anh Th, chị Ch đã trầm trọng, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Th, cho anh Th được ly hôn với chị Ch.

Giao con chung Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 13/9/2006 cho anh Th nuôi dưỡng; Giao con chung Nguyễn Thị Ánh V, sinh ngày 02/5/2003 cho chị Ch nuôi dưỡng; Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh Th, chị Ch không yêu cầu nên không đề nghị giải quyết.

- Về tài sản chung: Do chị Ch không nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng nên không xem xét trong vụ án này.

- Về công nợ: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các đương sự trong vụ án.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020 TAND huyện Tiên Du đưa vụ án ra xét xử, do bị đơn là chị Đào Thị Ch vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất không lý do, Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quyết định số 04/2020/QĐDS-ST ngày 15/7/2020. Đến ngày 14/8/2020 Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[1]. Tổ tụng:

Anh Thường làm đơn xin ly hôn chị Ch nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bị đơn là chị Ch đang cư trú trên địa bàn huyện Tiên Du nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tiên Du quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Nội dung:

* Yêu cầu xin ly hôn: Anh Nguyễn Hữu Th kết hôn với chị Đào Thị Ch ngày 08/3/2002 đã tuân thủ đầy đủ các điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phía anh Th cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Ch có quan hệ bất chính với người đàn ông khác làm hưởng đến danh dự của anh và gia đình anh. Anh đã tha thứ cho chị Ch để vợ chồng về đoàn tụ với nhau nhưng chị Ch vẫn không chấm dứt mối quan hệ bất chính đó. Khi anh và gia đình khuyên bảo thì chị Ch đã hỗn láo, chửi bới anh và gia đình nhà anh. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Anh thấy không thể tiếp tục chung sống với chị Ch được vì không còn tình cảm, anh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Ch. Phía chị Ch cho rằng anh Th ghen tuông vô cớ, nghi ngờ chị có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh cãi chửi nhau và đã sống ly thân từ tháng 7/2019 đến nay. Chị xác định vợ chồng cũng không còn tình cảm với nhau nhưng vì các con, muốn các con yên tâm học hành nên chị không đồng ý ly hôn. Còn anh Th muốn lấy ai, muốn chung sống với ai thì tùy chị đều chấp nhận. HĐXX xét thấy: Cuộc sống vợ chồng của anh Th và chị Ch không đạt được mục đích của cuộc hôn nhân tiến bộ, bình đẳng, hạnh phúc. Mặc dù chị Ch không đồng ý ly hôn nhưng chị Ch cũng cho rằng giữa cuộc sống vợ chồng giữ chị Ch và anh Th cũng không còn tình cảm với nhau. Mục đích chị không đồng ý ly hôn là vì các con, do vậy chị chấp nhận cuộc sống ly thân, cũng không đưa ra được biện pháp gì để vợ chồng về đoàn tụ. Cuộc sống vợ chồng anh Th, chị Ch đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Th là hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật và thực tế.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Ánh V, sinh ngày 02/5/2003; Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 13/9/2006. Ly hôn chị Ch xin nuôi cháu Vân còn để anh Th nuôi cháu Tr, anh Th cũng đồng ý.

Xét thấy, hiện tại anh Th và chị Ch đều có việc làm với thu nhập ổn định. Ly hôn chị Ch có nguyện vọng nuôi cháu V, anh Th đồng ý nuôi cháu Tr. Ngoài ra, cháu V có nguyện vọng được ở với chị Ch, còn cháu Tr cũng có nguyện vọng được ở anh Th. Để đảm bảo mọi quyền lợi cho con, xét sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp, cần chấp nhận giao cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 13/9/2006; giao cho anh Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chăm

sóc con chung Nguyễn Thị Ánh V, sinh ngày 02/5/2003 là phù hợp với pháp luật và thực tế. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con anh Th, chị Ch đều không yêu cầu cấp giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Anh Th, chị Ch được thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình về việc nuôi dưỡng, thăm nom con sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án chị Ch yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng gồm: 01 ngôi nhà 02 tầng, diện tích 1 sàn khoảng 80m², tổng diện tích là 160m² xây trên đất của bố mẹ anh Th cho anh Th tại thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B; 05 phòng trọ xây trên đất ở khu đất B, thôn Đ, xã N, huyện T, tỉnh B và các tài sản trong gia đình: 01 tivi; 01 máy giặt; 01 bộ bàn ghế; 01 sập gỗ; 02 điều hòa; 01 xe máy Wave. Chị Ch không yêu cầu chia đất.

Ngày 04/6/2020, Tòa án đã giao thông báo cho chị Ch phải nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn. Tuy nhiên hết thời hạn thông báo mà chị Ch vẫn không nộp do vậy HĐXX không xem xét giải quyết phần tài sản chung. Chị Ch có quyền yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng bằng một vụ án chia tài sản chung sau khi ly hôn nếu sau này chị Ch có yêu cầu. Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay trong phần tranh luận chị Ch tự nguyện không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng, bản thân chị sẽ yêu cầu giải quyết trong vụ án khác nếu thấy cần thiết. Do vậy, HĐXX không xem xét giải quyết trong vụ án này là phù hợp pháp luật.

Về công nợ: Không có, do vậy không xem xét.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Căn cứ điều 147; 235, 264, 266, 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Nguyễn Hữu Th được ly hôn với chị Đào Thị Ch.

2. Về con chung: Giao cho anh Th tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Hữu Tr, sinh ngày 13/9/2006; giao cho chị Ch tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là Nguyễn Thị Ánh V, sinh ngày 02/5/2003. Việc cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Không lạm dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Hữu Th phải chịu 300.000đ án phí dân sự ly hôn sơ thẩm được trừ số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số AA/2018/0000090, ngày 27/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiên Du.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND h. Tiên Du
- TAND tỉnh Bắc Ninh.
- THADS h. Tiên Du.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thạch Thiên Hà